

Bản án số: 691/2024/HC-PT
Ngày: 08 – 7 – 2024
V/v Khiếu kiện quyết định hành chính.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Thủy;

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Cúc;

Ông Trần Văn Đạt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thủy Tiên – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 362/2024/TLPT-HC ngày 10 tháng 4 năm 2024 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 31/2024/HCST ngày 01 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1866/2024/QĐ-PT ngày 31 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Ngô Thị Thanh V, sinh năm 1969; Địa chỉ: số C B, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1942; Địa chỉ: số C B, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện: Luật sư Nguyễn Hồng N – Đoàn Luật sư Thành phố H. (có mặt)

- Người bị kiện:

1/. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H; Địa chỉ: số H L, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Văn M - Chủ tịch. (xin xét xử vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

+ Ông Trần Văn L - Phó Trưởng Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng thành phố T. (vắng mặt)

+ Ông Ngô Văn V1 - Phó Trưởng Phòng tiếp công dân thuộc Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng thành phố T. (có mặt)

2/. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T; Địa chỉ: số A T, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng T - Chủ tịch. (xin xét xử vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

+ Ông Trần Văn L - Phó Trưởng Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng thành phố T. (vắng mặt)

+ Ông Ngô Văn V1 - Phó Trưởng Phòng tiếp công dân thuộc Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng thành phố T. (có mặt)

+ Ông Vũ Mạnh H - Chuyên viên Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng thành phố T. (có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/. Ủy ban nhân dân thành phố T; Địa chỉ: số A T, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. (xin xét xử vắng mặt)

2/. Ông Ngô T1, sinh năm 1941. (vắng mặt)

3/. Ông Ngô Thanh H1, sinh năm 1973. (vắng mặt)

4/. Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1942. (có mặt)

Cùng địa chỉ: số C B, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người kháng cáo: Bà Ngô Thị Thanh V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện bà Ngô Thị Thanh V trình bày:

Bà Ngô Thị Thanh V là chủ sở hữu của thửa đất tại số C, đường B, khu phố G, phường L, quận T, diện tích: 1040m². Năm 2001, công ty C có mua đất của bà V là 199m² đất để làm ống nước. Năm 2019 theo dự án “Đầu tư xây dựng tuyến đường kết nối từ Phạm Văn Đ đến nút giao thông G quốc lộ A” tại quận T (nay là thành phố T), đất bà V bị thu hồi toàn bộ diện tích đất còn lại là 841m². Hiện nay ban bồi thường chỉ bồi thường cho bà V 122,5m² đất thổ cư, bà V yêu cầu bồi thường thêm 77,5m² đất vườn tính thành đất thổ cư. Do đó, bà V khiếu nại lên Ủy ban nhân dân thành phố T và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T ban hành Quyết định số 7242/QĐ-UBND ngày 21/12/2018, giải quyết khiếu nại của bà Ngô Thị Thanh V; không đồng ý với kết quả giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T nên bà V tiếp tục khiếu nại lên Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và được giải quyết khiếu nại bằng Quyết định số 1395/QĐ- UBND ngày 26/4/2021.

Bà V yêu cầu Tòa án xem xét cho bà Ngô Thị Thanh V được hưởng tiền bồi thường thêm 77,5m² đất để đủ diện tích là 200m² theo dự án. Đồng thời, bà V yêu cầu bồi thường theo hướng tăng giá trị tiền bồi thường đất, cụ thể là 50.000.000

đồng/m² đất thổ cư và 24.500.000 đồng đất nông nghiệp, việc Ban bồi thường mới bồi thường cho bà V là 25.000.000 đồng/m² đất thổ cư và 3.610.000 đồng/m² đất vườn là chưa thỏa đáng. Do đó, bà V yêu cầu: Hủy Quyết định số 7242/QĐ-UBND ngày 21/12/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, về việc giải quyết khiếu nại của bà Ngô Thị Thanh V; Hủy Quyết định số 1395/QĐ-UBND ngày 26/4/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, về việc giải quyết khiếu nại của bà Ngô Thị Thanh V.

Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T có văn bản số 1549/UBND-TT ngày 07/4/2023 trình bày ý kiến như sau:

Trong phạm vi giải tỏa để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường kết nối từ đường P đến nút giao thông G - Quốc lộ A tại quận T theo Văn bản số 951/UBND-ĐTMT ngày 09 tháng 3 năm 2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố về thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng tuyến đường kết nối từ đường P đến nút giao thông G - Quốc lộ A tại quận T, Văn bản số 535/UBND-ĐT ngày 03 tháng 02 năm 2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố về điều chỉnh diện tích đất thu hồi để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường kết nối từ đường P đến nút giao thông G - Quốc lộ A tại quận T, bà Ngô Thị Thanh V có phần đất, tài sản khác đang sử dụng nằm trong ranh giải tỏa.

Ngày 24 tháng 6 năm 2016, tổ công tác gồm đại diện: Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng quận T, Ủy ban nhân dân phường L đã tiến hành kiểm đếm đất và tài sản trên đất thuộc phạm vi thu hồi đất để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường kết nối từ đường P đến nút giao thông G - Quốc lộ A tại quận T do bà Ngô Thị Thanh V sử dụng nằm trong ranh giải tỏa. Ngày 30 tháng 3 năm 2018, Ủy ban nhân dân phường L lập Giấy xác nhận số 26/GXN-UBND về nguồn gốc, quá trình sử dụng và vị trí nhà, đất bị giải tỏa của bà Ngô Thị Thanh V. Ngày 06 tháng 4 năm 2018, Ủy ban nhân dân quận T (nay là thành phố T) ban hành Quyết định số 2054/QĐ-UBND về thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng tuyến đường kết nối từ đường P đến nút giao thông G - Quốc lộ A tại quận T đối với diện tích 776,7m² của hộ bà Ngô Thị Thanh V, thuộc một phần thửa đất số 241, tờ bản đồ số 35, Bộ địa chính phường L, quận T (theo tài liệu bản đồ địa chính năm 2004). Ngày 09 tháng 4 năm 2018, Ủy ban nhân dân quận T (nay là thành phố T) ban hành Quyết định số 2063/QĐ-UBND về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trong Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường kết nối từ đường P đến nút giao thông G - Quốc lộ A tại quận T cho hộ bà Ngô Thị Thanh V với tổng số tiền là 5.613.882.783 đồng (Năm tỷ sáu trăm mười ba triệu tám trăm tám mươi hai ngàn bảy trăm tám mươi ba đồng).

Ngày 17 tháng 7 năm 2018, Ủy ban nhân dân quận T (nay là thành phố T) ban hành Văn bản số 3342/UBND-TTQ về việc giải quyết nội dung khiếu nại của bà Ngô Thị Thanh V, nội dung: “Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng Quận áp giá bồi thường bổ sung 400 cây mai với giá 100.000 đồng/cây theo đúng phương án và điều chỉnh Bản vẽ hiện trạng vị trí phục vụ công tác bồi thường giải phóng mặt bằng Quận thể hiện diện tích cần thu hồi bổ sung trên bản đồ hiện trạng vị trí và bảng chỉ dẫn diện tích. Sau khi có bản vẽ hiện trạng mới, Phòng T2 sẽ tham mưu Ủy ban nhân dân Quận B Quyết định thu hồi đất bổ sung theo quy định”.

Ngày 28 tháng 9 năm 2018, Ủy ban nhân dân quận T (nay là thành phố T) ban hành Quyết định số 5464/QĐ-UBND về thu hồi đất bổ sung để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường kết nối từ đường P đến nút giao thông G - Quốc lộ A tại quận T đối với diện tích 63,3m² của hộ bà Ngô Thị Thanh V, thuộc một phần thửa đất số 209, 241 và đường (d), tờ bản đồ số 35, bộ địa chính phường L, quận T (theo tài liệu bản đồ địa chính năm 2004). Ngày 01 tháng 10 năm 2018, Ủy ban nhân dân Quận ban hành Quyết định số 5486/QĐ-UBND về việc chi trả (bổ sung) tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trong dự án đầu tư xây dựng tuyến đường kết nối từ đường P đến nút giao thông G - Quốc lộ A tại quận T cho hộ bà Ngô Thị Thanh V với tổng số tiền là 264.123.000 đồng (Hai trăm sáu mươi bốn triệu một trăm hai mươi ba ngàn đồng).

Không đồng ý Quyết định số 2063/QĐ-UBND ngày 09 tháng 4 năm 2018 và Quyết định số 5486/QĐ-UBND ngày 01 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân quận T về việc chi trả và chi trả bổ sung tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trong dự án đầu tư xây dựng tuyến đường kết nối từ đường P đến nút giao thông G - Quốc lộ A, tại quận T, bà Ngô Thị Thanh V có đơn khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T (nay là Ủy ban nhân dân thành phố T).

Kết quả kiểm tra, xác minh đối với nội dung khiếu nại của bà Ngô Thị Thanh V như sau:

- Căn cứ cơ sở áp giá bồi thường phần đất diện tích 122,5m² với đơn giá 25.168.500 đồng/m².

Tại Khoản 1.2, Mục 1 và Khoản 4.1, Mục 4, Phần III Phương án số 57/PABT-HĐBT ngày 07 tháng 11 năm 2017 của Hội đồng bồi thường của dự án Quận quy định nguyên tắc bồi thường về đất: “.. Do đặc thù quận T không còn quỹ đất nên không thực hiện bằng việc giao đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi, việc bồi thường chỉ được thực hiện bằng tiền theo giá đất cụ thể của loại đất thu hồi do Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định tại có quyết định thu hồi đất” và quy định về đơn giá đất ở: “Đơn giá đất ở đường số 22 (đoạn từ Lý Tế X đến đường số 30) phường L, vị trí 1 = 25.168.500 đồng/m²”.

Như vậy, Ủy ban nhân dân quận T (nay là Ủy ban nhân dân thành phố T) áp giá bồi thường phần đất ở diện tích 122,5m² vị trí 1, mặt tiền đường số 22 theo đơn giá là 25.168.500 đồng/m² là đúng quy định vì phần diện tích 77,5m² trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở đã được bồi thường dự án tuyến ống cấp 1,2 tiếp nhận và tiêu thụ 2 dự án BOT.

- Căn cứ cơ sở áp giá bồi thường, hỗ trợ phần đất diện tích 718,5m² với đơn giá 3.610.000 đồng/m².

Tổng diện tích đất 1.040m² nằm trong ranh giải tỏa của bà V thuộc 02 dự án, trong đó: Diện tích đất 199m² nằm trong ranh Dự án BOT (diện tích 77,5m² thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở số 375/UB-GCN-QLĐT; 121,5m² thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp số P097223) và diện tích đất 841m² nằm trong ranh Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường kết nối từ đường P đến nút giao thông G - Quốc lộ A, trong đó: 122,5m² thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở số

375/UB-GCN-QLĐT; 718,5m² thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp số P097223.

Ngày 30 tháng 3 năm 2018, Ủy ban nhân dân phường L lập Giấy xác nhận số 26/GXN-UBND về nguồn gốc, quá trình sử dụng và vị trí nhà, đất bị giải tỏa của bà Ngô Thị Thanh V như sau:

+ Đất nông nghiệp của hộ bà Ngô Thị Thanh V, được Ủy ban nhân dân quận T (nay là Ủy ban nhân dân thành phố T) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P 097223 ngày 29 tháng 5 năm 2000, diện tích 840m², loại đất vườn.

+ Vị trí đất nông nghiệp: đất trồng cây lâu năm; khu vực 1, vị trí A, mặt tiền đường.

Tại Khoản 4.1, Mục 4, Phần III Phương án số 57/PABT-HĐBT ngày 07/11/2017 của Hội đồng bồi thường của dự án Quận quy định nguyên tắc bồi thường về đơn giá đất nông nghiệp: “Đơn giá đất trồng cây lâu năm vị trí 1 (mặt tiền đường) = 3.610.000đồng/m²”. Như vậy, Ủy ban nhân dân quận T (nay là Ủy ban nhân dân thành phố T) áp giá bồi thường đất nông nghiệp diện tích 718,5m² vị trí A, khu vực 1, mặt tiền đường với đơn giá 3.610.000 đồng/m² là đúng quy định.

- Căn cứ cơ sở áp giá bồi thường, hỗ trợ phần vật kiến trúc bao gồm: nhà diện tích 19,27m² với đơn giá 2.620.000 đồng/m²; hiên diện tích 3,83m² với đơn giá 112.000 đồng/m² và không bồi thường, hỗ trợ phần nhà diện tích 16,13m²; hiên 1,55m²; nhà tắm, bếp diện tích 11,8m²:

Tại Điểm a, b, Khoản 4.1, Mục 4, Phần IV Phương án số 57/PABT-HĐBT ngày 07/11/2017 của Hội đồng bồi thường của dự án Quận quy định về Bồi thường, hỗ trợ về nhà ở, công trình và vật kiến trúc khác thuộc sở hữu của các hộ gia đình, cá nhân:

“Khoản 4.1. Về bồi thường:

a. Nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt có giấy tờ hợp pháp, hợp lệ thì được tính bồi thường bằng 100% giá trị xây dựng theo đơn giá quy định tại Mục 3, Phần này.

b. Nhà ở, công trình xây dựng trên đất đủ điều kiện bồi thường về đất ở theo quy định tại Mục 2, Mục 13 Phần III của Phương án này và xây dựng trước ngày 01/7/2006 thì được tính bồi thường bằng 100% giá trị xây dựng theo đơn giá quy định tại Mục 3 Phần này .”

Theo Mục 3, Phần IV Phương án số 57/PABT-HĐBT ngày 07 tháng 11 năm 2017 của Hội đồng bồi thường của dự án Quận quy định về đơn giá xây dựng để tính bồi thường: “Đơn giá xây dựng để tính bồi thường được áp dụng theo đơn giá xây dựng mới (suất vốn đầu tư) của nhà, công trình hiện hành do Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành tại Quyết định số 66/2012/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2012 và Văn bản số 1963/SXD-KTXD ngày 02 tháng 02 năm 2016 của Sở Xây dựng về việc tính toán quy đổi suất vốn đầu tư phân xây dựng tại thời điểm năm 2016 của Biểu giá chuẩn tại Quyết định số 66/2012/QĐ-UBND”, quy định: Nhà phố liền kề trệt, cột gạch hoặc gỗ; mái lợp tôn hoặc ngói; tường gạch + ván hoặc tôn; nền lát gạch

bông hoặc tương đương, đơn giá 2.620.000 đồng/m² và sân láng vữa xi măng dày 3cm, đơn giá 112.000 đồng/m².

Như vậy, Ủy ban nhân dân quận T (nay là Ủy ban nhân dân thành phố T) áp giá bồi thường, hỗ trợ phần nhà, vật kiến trúc: nhà diện tích 19,27m² (xây dựng trên phần đất ở) với đơn giá 2.620.000 đồng/m²; hiên (kết cấu: không cột, mái tôn, nền xi măng được xây dựng trên phần đất ở, bồi thường theo kết cấu sân xi măng) diện tích 3,83m² với đơn giá 112.000 đồng/m² và không bồi thường, hỗ trợ phần nhà diện tích 16,13m²; hiên 1,55m²; nhà tắm, bếp diện tích 11,8m², do xây dựng trên phần đất nông nghiệp là đúng quy định.

Căn cứ cơ sở không áp giá bồi thường, hỗ trợ phần sân đá mi diện tích 5,9m²; sân trải đá diện tích 18,7m²; hàng rào diện tích 126m².

Tại Điểm b, Khoản 4.1 Mục 4, Phần IV Phương án số 57/PABT-HĐBT ngày 07 tháng 11 năm 2017 của Hội đồng bồi thường của dự án Quận quy định về Bồi thường, hỗ trợ về nhà ở, công trình và vật kiến trúc khác thuộc sở hữu của các hộ gia đình, cá nhân:

“Khoản 4.1. về bồi thường:

b. Nhà ở, công trình xây dựng trên đất đủ điều kiện bồi thường về đất ở theo quy định tại Mục 2, Mục 13 Phần III của Phương án này và xây dựng trước ngày 01/7/2006 thì được tính bồi thường bằng 100% giá trị xây dựng theo đơn giá quy định tại Mục 3 Phần này”. Do đó, Ủy ban nhân dân quận T (nay là Ủy ban nhân dân thành phố T) không áp giá bồi thường, hỗ trợ phần sân đá mi diện tích 5,9m²; sân trải đá diện tích 18,7m²; hàng rào diện tích 126m² do bà V tạo lập sau ngày 01 tháng 7 năm 2004 trước ngày 01 tháng 7 năm 2006 trên phần đất nông nghiệp đã được Ủy ban nhân dân quận T (nay là Ủy ban nhân dân thành phố T) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P097223 ngày 29/5/2000, là đúng quy định

- Căn cứ cơ sở áp giá bồi thường điện kế chính với đơn giá 900.000 thủy kế chính với đơn giá 2.000.000 đồng/cái.

Tại Điểm b, c, Khoản 7.6, Mục 7, Phần IV Phương án số 57/PAB ngày 07/11/2017 của Hội đồng bồi thường của dự án Quận quy định về Bồi thường, hỗ trợ về nhà ở, công trình và vật kiến trúc khác thuộc sở hữu của các hộ gia đình, cá nhân:

“b) Các loại điện kế chính một (01) pha và ba (03) pha:

Đối với trường hợp bồi thường: áp dụng mức bồi thường là 900.000 đồng/điện kế.

b. Đồng hồ nước (thuê bao):

• Đối với trường hợp bồi thường: áp dụng mức bồi thường 2.000.000 đồng/cái (nếu lắp đặt miễn phí thì không bồi thường, hỗ trợ.”.

Như vậy, Ủy ban nhân dân quận T (nay là Ủy ban nhân dân thành phố T) áp giá bồi thường điện kế chính với đơn giá 900.000 đồng/cái; thủy kế chính với đơn giá 2.000.000 đồng/cái cho bà Ngô Thị Thanh V là đúng quy định.

Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có văn bản số 1844/UBND-NCPC ngày 08/5/2023 trình bày ý kiến như sau: Trên cơ sở kết quả

kiểm tra, rà soát hồ sơ, nguồn gốc, quá trình sử dụng đối với phần nhà, đất bị ảnh hưởng Dự án của bà Ngô Thị Thanh V và căn cứ các quy định pháp luật, Chủ tịch ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhận thấy kết quả giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại Quyết định số 1395/QĐ-UBND ngày 26/4/2021 là đúng quy định pháp luật. Đề nghị Tòa án bác toàn bộ đơn khởi kiện của bà Ngô Thị Thanh V.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông T1, ông H1 thống nhất lời trình bày của người khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân thành phố T có văn bản số 7751/UBND-BBT ngày 12/12/2023 trình bày: Giữ nguyên Quyết định 2063/QĐ-UBND ngày 09/4/2018 của Ủy ban nhân dân quận T (nay là Thành phố T) về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trong dự án đầu tư xây dựng tuyến đường kết nối từ đường P đến nút giao thông G - Quốc lộ A; Quyết định số 5486/QĐ-UBND ngày 01/10/2018 và Quyết định số 5560/QĐ-UBND ngày 02/10/2019 của Ủy ban nhân dân quận T (nay là thành phố T) về việc chi trả và chi trả bổ sung tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trong dự án đầu tư xây dựng tuyến đường kết nối từ đường P đến nút giao thông G - Quốc lộ A.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 31/2024/HC-ST ngày 01 tháng 02 năm 2024, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ Luật Đất đai 2013;

Căn cứ Luật Khiếu nại năm 2011;

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị Thanh V về việc yêu cầu:

- Hủy Quyết định số 7242/QĐ-UBND ngày 21/12/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, về việc giải quyết khiếu nại của bà Ngô Thị Thanh V.

- Hủy Quyết định số 1395/QĐ-UBND ngày 26/4/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, về việc giải quyết khiếu nại của bà Ngô Thị Thanh V.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Ngày 01/02/2024, người khởi kiện bà Ngô Thị Thanh V có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Ngô Thị Thanh V vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà V.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện là Luật sư Nguyễn Hồng N trình bày: Diện tích 77,5m² bà V đã nhận bồi thường theo giá đất nông nghiệp là không thỏa đáng, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bà V được bồi thường theo giá đất ở và giá đất theo thị trường.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện là ông Ngô Văn V1 trình bày: Bà V yêu cầu bồi thường diện tích 77,5m² là không có căn cứ vì trong dự án cấp nước năm 2001 diện tích này đã được bồi thường trong phần diện tích 199m²,

toàn bộ diện tích 199m² này đã bồi thường là đất ở. Biên bản bồi thường năm 2001 ghi rất rõ là đất ở, áp dụng luật đất đai 1993, thời điểm này chưa có khái niệm giá thị trường và áp dụng theo giá do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành. Khi dự án vành đai 2 trùng lên diện tích trong dự án năm 2001 thì Ủy ban nhân dân quận T đã cắt ra không bồi thường nữa, người dân đã nhận tiền, bàn giao đất nên không có cơ sở bồi thường lại. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bà V; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về việc chấp hành pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng tuân theo quy định của Luật tố tụng hành chính. Đơn kháng cáo làm trong hạn luật định nên hợp lệ được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

- Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là có căn cứ. Phía người khởi kiện kháng cáo nhưng không cung cấp thêm được tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh cho yêu cầu kháng cáo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về hình thức: Đơn kháng cáo của bà Ngô Thị Thanh V làm trong hạn luật định, hợp lệ về hình thức nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh, Chủ tịch UBND thành phố T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND thành phố T vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 225 Luật tố tụng hành chính, tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự trên.

[2]. Về nội dung:

Bà Ngô Thị Thanh V khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 7242/QĐ-UBND ngày 21/12/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T và Quyết định số 1395/QĐ-UBND ngày 26/4/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; với lý do khi thực hiện dự án đầu tư xây dựng tuyến đường kết nối từ đường P đến nút giao thông G - Quốc lộ A, Ủy ban nhân dân Thành phố T không bồi thường thêm diện tích 77,5m² theo đơn giá đất ở cho bà V là có thiếu sót; đồng thời cho rằng UBND thành phố T áp dụng đơn giá đất ở 25.168.500 đồng/m² và đơn giá đất nông nghiệp 3.610.000 đồng/m² là không đúng thực tế, gây ảnh hưởng đến quyền lợi của bà V.

Xét thấy, bà Ngô Thị Thanh V có diện tích đất 1.040m² nằm trong ranh giải tỏa thuộc 02 dự án, trong đó: Diện tích đất 199m² nằm trong ranh Dự án BOT, trong đó diện tích 77,5m² thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở số 375/UB-GCN-QLĐT ngày 09/4/1996; 121,5m² thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp số P097223 ngày 29/5/2000 và diện tích đất 841m² nằm trong ranh Dự án đầu

tư xây dựng tuyến đường kết nối từ đường P đến nút giao thông G - Quốc lộ A, trong đó: 122,5m² thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở số 375/UB-GCN-QLĐT; 718,5m² thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp số P097223.

Tại biên bản trị giá đền bù số 24/LĐ ngày 28/7/2001 của Ban chỉ đạo đền bù giải tỏa Dự án B1 và LDE và B Tổng hợp chi tiết đền bù thiệt hại thì bà V có phần đất giải tỏa là 199m² được đền bù giá đất ở. Như vậy, khi thực hiện dự án BOT B và LDE thì UBND quận T đã bồi thường cho bà V 199m² đất ở, mặc dù đất thu hồi có diện tích 77,5m² thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở số 375/UB-GCN-QLĐT và 121,5m² thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp số P097223. Do đó, khi thực hiện Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường kết nối từ đường P đến nút giao thông G - Quốc lộ A, Ủy ban nhân dân Thành phố T cần trừ 77,5m² đất ở tại Dự án BOT B và LDE, không bồi thường cho bà V theo đơn giá đất ở là đúng. Bà V yêu cầu Ủy ban nhân dân Thành phố T phải bồi thường thêm diện tích 77,5m² đất vườn thành đất ở cho bà V là không có cơ sở chấp nhận.

Về đơn giá đất bồi thường: Căn cứ vào Quyết định số 51/2014/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành bảng giá đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2015-2019 thì đơn giá đất ở tại vị trí nhà đất của bà V là 4.500.000đ/m², đất trồng cây lâu năm 190.000đ/m². Ngày 07/8/2017, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 4192/QĐ-UBND về phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất để tính bồi thường, hỗ trợ của dự án đầu tư xây dựng tuyến đường kết nối từ đường P đến nút giao thông G - Quốc lộ A trên địa bàn quận T. Theo đó, vị trí nhà đất của bà V có hệ số điều chỉnh giá đất ở để tính bồi thường, hỗ trợ là 5,593; vị trí đất trồng cây lâu năm là 19,000. Hội đồng bồi thường của dự án quận T ban hành Phương án số 57/PABT-HĐBT ngày 07/11/2017 bồi thường phần đất ở diện tích 122,5m² với đơn giá 25.168.500 đồng/m² và bồi thường, hỗ trợ phần đất trồng cây lâu năm diện tích 718,5m² với đơn giá 3.610.000đồng/m² là có căn cứ, đúng quy định. Bà V yêu cầu bồi thường theo hướng tăng giá trị tiền bồi thường đất cụ thể là 50.000.000 đồng/m² đất thổ cư và 24.500.000 đồng/m² đất nông nghiệp là không có cơ sở để được chấp nhận.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của bà V là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Kháng cáo của bà V không có cơ sở chấp nhận; cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3]. Về án phí, chi phí tố tụng:

Án phí hành chính sơ thẩm: Bà Ngô Thị Thanh V phải chịu do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận.

Án phí hành chính phúc thẩm: Bà Ngô Thị Thanh V phải chịu do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241, Điều 242 Luật tố tụng hành chính; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Ngô Thị Thanh V.

Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 31/2024/HC-ST ngày 01 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên xử:

1/. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị Thanh V về việc yêu cầu:

- Hủy Quyết định số 7242/QĐ-UBND ngày 21/12/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, về việc giải quyết khiếu nại của bà Ngô Thị Thanh V.

- Hủy Quyết định số 1395/QĐ-UBND ngày 26/4/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, về việc giải quyết khiếu nại của bà Ngô Thị Thanh V.

2/. Về án phí hành chính sơ thẩm: Bà Ngô Thị Thanh V chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng); được khấu trừ tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0003783 ngày 21/12/2022 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh vào phần án phí phải chịu.

3/. Án phí hành chính phúc thẩm: Bà Ngô Thị Thanh V chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng); được khấu trừ tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0031998 ngày 01/3/2024 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh vào phần án phí phải chịu.

4/. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- ĐS (7);
- Lưu:HSVA (2) VP(3) 17B LTTT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thu Thủy